MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUẢN LÝ NỀN KINH TẾ VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ

NGUYỄN THỊ THẢO
Trường Đại học Hải Dương

Nhận bài ngày 05/11/2025. Sửa chữa xong 10/12/2025. Duyệt đăng 22/12/2025.

Abstract

This paper examines key issues in managing the Vietnamese economy within the context of international integration. Vietnam has progressively opened its economy, participated in various free trade agreements (FTAs), and become a member of the World Trade Organization (WTO). International integration provides multiple opportunities—such as market expansion and increased foreign investment—while simultaneously presenting challenges related to competition, global uncertainties, and the growing need to improve economic management capacity. The article analyzes the fundamental principles of economic management, policy instruments, major challenges, and potential solutions aimed at promoting sustainable economic development.

Keywords: *Economic management, free trade, international integration, macroeconomic policy, solutions, Vietnam.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, các quốc gia đang phải đối mặt với nhiều cơ hội và thách thức. Việt Nam với quá trình mở cửa kinh tế từ đầu những năm 1990 đã trở thành một trong những nền kinh tế có tốc độ hội nhập nhanh trên thế giới. Việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2007 cùng với việc ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) quan trọng như CPTPP, EVFTA, RCEP đã mở ra cơ hội lớn cho Việt Nam trong việc thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy xuất khẩu và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Tuy nhiên, hội nhập quốc tế cũng đặt ra nhiều thách thức đáng kể. Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ doanh nghiệp nước ngoài, đặc biệt trong các ngành công nghiệp và dịch vụ trọng điểm. Ngoài ra, biến động kinh tế toàn cầu như khủng hoảng tài chính, chiến tranh thương mại hay biến động giá nguyên liệu cũng dễ tác động mạnh đến nền kinh tế trong nước. Thực tế này đòi hỏi Việt Nam không chỉ tiếp tục mở cửa thị trường mà còn phải có chiến lược quản lý kinh tế linh hoạt, hiệu quả và bền vững nhằm đảm bảo tăng trưởng kinh tế ổn định, giảm thiểu rủi ro và tận dụng tối đa các cơ hội từ hội nhập. Bài báo này tập trung nghiên cứu các nguyên tắc, công cụ quản lý kinh tế và giải pháp phát triển trong bối cảnh hội nhập quốc tế, với mục tiêu cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn để Việt Nam hoạch định chính sách kinh tế phù hợp, nâng cao năng lực cạnh tranh và hướng tới phát triển bền vững trong thời kỳ hội nhập sâu rộng.

2. Nội dung nghiên cứu

Trong tiến trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành xu thế tất yếu đối với hầu hết các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Kể từ khi thực hiện công cuộc Đổi mới, Việt Nam từng bước chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, mở cửa và hội nhập với khu vực và thế giới. Quá trình này không chỉ giúp Việt Nam mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại mà còn tạo động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cải cách thể chế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Việc Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Sau khi gia nhập WTO, Việt Nam cam

Email: nguyenthithao86@gmail.com

kết mở cửa thị trường, cắt giảm thuế quan và tuân thủ các quy tắc thương mại toàn cầu. Bên cạnh đó, Việt Nam còn tích cực tham gia và ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương, đặc biệt là các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA và RCEP. Những hiệp định này không chỉ mở rộng thị trường xuất khẩu mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho dòng vốn đầu tư, chuyển giao công nghệ và nâng cao chất lượng thể chế kinh tế trong nước [1].

2.1. Nguyên tắc quản lý kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế

2.1.1. Ổn định kinh tế vĩ mô

Đây là nguyên tắc nền tảng trong quản lý nền kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Hội nhập khiến nền kinh tế Việt Nam chịu tác động trực tiếp từ các cú sốc bên ngoài như biến động giá cả thế giới, khủng hoảng tài chính, lạm phát toàn cầu hay thay đổi chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn. Do đó, quản lý kinh tế phải đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định tỷ giá, cân đối ngân sách và đảm bảo an toàn hệ thống tài chính [2, tr. 31]. Ví dụ: trong giai đoạn lạm phát toàn cầu tăng cao, Việt Nam đã điều hành chính sách tiền tệ theo hướng thận trọng, linh hoạt, vừa kiểm soát lạm phát vừa hỗ trợ tăng trưởng. Việc duy trì ổn định vĩ mô không chỉ giúp nền kinh tế giảm thiểu rủi ro từ bên ngoài mà còn tạo niềm tin cho nhà đầu tư trong và ngoài nước, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong tiến trình hội nhập.

2.1.2. Gắn hội nhập với nâng cao năng lực tự chủ của nền kinh tế

Hội nhập quốc tế không đồng nghĩa với phụ thuộc kinh tế. Một nguyên tắc quan trọng trong quản lý kinh tế là phải gắn quá trình mở cửa với việc nâng cao năng lực tự chủ, tự cường của nền kinh tế quốc gia. Điều này thể hiện ở việc phát triển các ngành sản xuất trong nước, tăng tỷ lệ nội địa hóa, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu và công nghệ từ bên ngoài. Thực tế cho thấy, mặc dù kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng nhanh nhưng giá trị gia tăng nội địa còn hạn chế do phụ thuộc nhiều vào khu vực FDI. Vì vậy, quản lý kinh tế cần hướng tới xây dựng nền sản xuất có khả năng tự chủ cao hơn, phát triển doanh nghiệp nội địa đủ mạnh để tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Nguyên tắc này giúp Việt Nam tận dụng được lợi ích của hội nhập mà vẫn giữ vững ổn định kinh tế và an ninh quốc gia.

2.1.3. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với hội nhập

Quản lý kinh tế cần định hướng chuyển dịch cơ cấu theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững, phù hợp với xu thế phát triển toàn cầu. Nguyên tắc này thể hiện ở việc giảm dần tỷ trọng các ngành sử dụng nhiều lao động giản đơn, tài nguyên thiên nhiên, đồng thời tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp chế biến, công nghệ cao và dịch vụ chất lượng cao. Ví dụ: Việt Nam đang từng bước chuyển từ xuất khẩu nông sản thô sang nông sản chế biến, từ gia công dệt may sang thiết kế và xây dựng thương hiệu. Việc cơ cấu lại nền kinh tế giúp nâng cao năng suất lao động, tăng giá trị gia tăng và cải thiện khả năng cạnh tranh của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập sâu rộng.

2.1.4. Tuân thủ cam kết quốc tế gắn với bảo vệ lợi ích quốc gia

Trong bối cảnh hội nhập, Việt Nam phải tuân thủ các cam kết quốc tế về thương mại, đầu tư, sở hữu trí tuệ và cạnh tranh. Tuy nhiên, quản lý kinh tế không chỉ dừng lại ở việc thực thi cam kết mà còn phải bảo vệ lợi ích quốc gia và doanh nghiệp trong nước trong khuôn khổ pháp luật quốc tế. Nguyên tắc này đòi hỏi Nhà nước phải chủ động xây dựng chính sách phù hợp, sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại hợp pháp như chống bán phá giá, chống trợ cấp khi cần thiết [3]. Ví dụ: trong một số vụ việc hàng hóa nhập khẩu gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước, Việt Nam đã áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại theo đúng quy định của WTO. Điều này giúp tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bảo vệ sản xuất trong nước mà vẫn đảm bảo uy tín quốc tế.

2.1.5. Phát triển kinh tế gắn với tiến bộ xã hội và bền vững môi trường

Một nguyên tắc quan trọng khác trong quản lý kinh tế thời kỳ hội nhập là phát triển kinh tế phải đi đôi với tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. Hội nhập có thể làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo, áp lực lên môi trường và tài nguyên nếu không được quản lý tốt. Vì vậy, quản lý kinh tế cần hướng tới phát triển bao trùm, đảm bảo công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và BVMTsinh

thái. Ví dụ: việc tham gia các hiệp định thương mại thế hệ mới như EVFTA buộc Việt Nam phải nâng cao tiêu chuẩn lao động và môi trường. Điều này vừa là thách thức, vừa là động lực để nền kinh tế chuyển sang mô hình tăng trưởng xanh và bền vững hơn.

2.1.6. Phát triển nguồn nhân lực và khoa học công nghệ

Trong bối cảnh hội nhập, nguồn nhân lực và khoa học công nghệ trở thành yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia. Do đó, quản lý kinh tế phải coi phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy đổi mới sáng tạo là nguyên tắc xuyên suốt. Nhà nước cần đầu tư cho giáo dục, đào tạo nghề, khuyến khích nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ vào sản xuất, quản lý. Ví dụ: nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã ứng dụng công nghệ số, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo để nâng cao hiệu quả sản xuất và đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế. Nguyên tắc này giúp Việt Nam không chỉ tham gia mà còn từng bước nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu.

2.2. Một số công cụ quản lý kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế

2.2.1. Chính sách tiền tệ

Đây là một trong những công cụ quan trọng hàng đầu trong quản lý nền kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Thông qua việc điều chỉnh lãi suất, tỷ giá, cung tiền và các công cụ thị trường mở, Nhà nước có thể kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Trong bối cảnh hội nhập, nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh từ biến động tài chính quốc tế, do đó chính sách tiền tệ cần được điều hành linh hoạt và thận trọng [4]. Ví dụ: khi kinh tế thế giới biến động khiến áp lực tỷ giá gia tăng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chủ động điều chỉnh tỷ giá trung tâm và sử dụng dự trữ ngoại hối để ổn định thị trường tiền tệ. Công cụ này góp phần duy trì niềm tin của nhà đầu tư và giảm thiểu tác động tiêu cực từ các cú sốc bên ngoài.

2.2.2. Chính sách tài khóa

Chính sách tài khóa đóng vai trò quan trọng trong việc điều tiết tổng cầu, thúc đẩy tăng trưởng và đảm bảo an sinh xã hội. Nhà nước sử dụng các công cụ thuế, chi tiêu công và quản lý ngân sách để tác động đến hoạt động kinh tế. Trong bối cảnh hội nhập, chính sách tài khóa cần vừa đảm bảo kỷ luật ngân sách, vừa tạo dư địa hỗ trợ doanh nghiệp và người dân trước các biến động kinh tế toàn cầu. Ví dụ: việc giảm thuế giá trị gia tăng (VAT) trong một số giai đoạn đã góp phần kích thích tiêu dùng trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất. Tuy nhiên, sử dụng chính sách tài khóa cũng cần thận trọng để tránh gia tăng nợ công và gây áp lực lên ngân sách nhà nước trong dài hạn.

2.2.3. Chính sách thương mại

Đây là công cụ quan trọng giúp Nhà nước quản lý hoạt động xuất nhập khẩu trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Thông qua việc xây dựng các quy định về thuế quan, hạn ngạch, tiêu chuẩn kỹ thuật và các biện pháp phòng vệ thương mại, Nhà nước có thể bảo vệ sản xuất trong nước và tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh [5]. Ví dụ: Việt Nam đã áp dụng các biện pháp chống bán phá giá đối với một số mặt hàng nhập khẩu gây thiệt hại cho doanh nghiệp trong nước, đồng thời tuân thủ các quy định của WTO. Công cụ này giúp cân bằng giữa việc mở cửa thị trường và bảo vệ lợi ích kinh tế quốc gia trong quá trình hội nhập.

2.2.4. Quản lý đầu tư và thu hút FDI

Quản lý đầu tư, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là công cụ quan trọng để tận dụng nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế. Nhà nước ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính để thu hút FDI. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập, việc thu hút FDI cần theo hướng chọn lọc, ưu tiên các dự án có công nghệ cao, thân thiện với môi trường và có khả năng lan tỏa. Ví dụ: nhiều địa phương đã ưu tiên thu hút các dự án sản xuất linh kiện điện tử, góp phần nâng cao năng lực công nghiệp trong nước. Công cụ quản lý đầu tư hiệu quả giúp Việt Nam tận dụng tốt hơn nguồn vốn và công nghệ từ nước ngoài.

2.2.5. Chính sách phát triển ngành và lĩnh vực trọng điểm

Chính sách phát triển ngành là công cụ giúp Nhà nước định hướng phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Trong bối cảnh hội nhập, Việt Nam cần ưu tiên phát

triển các ngành có lợi thế so sánh và khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu như công nghiệp chế biến, công nghệ thông tin, logistics và nông nghiệp công nghệ cao. Ví dụ: việc xây dựng các khu công nghệ cao và khu công nghiệp chuyên ngành đã góp phần thu hút đầu tư và thúc đẩy phát triển các ngành trọng điểm. Công cụ này giúp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và tạo động lực tăng trưởng bền vững.

2.2.6. Pháp luật và thể chế kinh tế

Hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế là công cụ quan trọng đảm bảo sự vận hành thông suốt của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập. Việc hoàn thiện các luật liên quan đến doanh nghiệp, đầu tư, cạnh tranh và sở hữu trí tuệ giúp tạo môi trường kinh doanh minh bạch và ổn định. Ví dụ: việc sửa đổi Luật Doanh nghiệp đã góp phần giảm chi phí tuân thủ và nâng cao tính cạnh tranh của môi trường kinh doanh Việt Nam. Công cụ pháp luật không chỉ điều chỉnh hành vi kinh tế trong nước mà còn giúp Việt Nam thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế.

2.3. Quản lý nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế

2.3.1. Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng

Trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Việc tham gia Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và ký kết hàng loạt hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP đã giúp Việt Nam mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài và cải thiện vị thế trên trường quốc tế. Kim ngạch xuất nhập khẩu liên tục tăng trưởng, nhiều mặt hàng của Việt Nam đã có mặt tại các thị trường khó tính như EU, Hoa Kỳ và Nhật Bản [6]. Ví dụ: các sản phẩm dệt may, da giày, điện tử và nông sản chế biến ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên, mức độ hội nhập sâu rộng cũng khiến nền kinh tế Việt Nam dễ chịu tác động từ các biến động bên ngoài, đòi hỏi công tác quản lý kinh tế phải linh hoạt và hiệu quả hơn.

2.3.2. Ổn định kinh tế vĩ mô và điều hành chính sách

Việt Nam đã duy trì được tương đối ổn định kinh tế vĩ mô trong bối cảnh kinh tế thế giới nhiều biến động. Lạm phát được kiểm soát ở mức hợp lý, tỷ giá và thị trường tài chính cơ bản ổn định, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư và sản xuất kinh doanh. Chính sách tiền tệ và tài khóa được điều hành linh hoạt nhằm hỗ trợ tăng trưởng nhưng vẫn đảm bảo an toàn hệ thống tài chính. Ví dụ: trong giai đoạn kinh tế toàn cầu suy giảm, Nhà nước đã triển khai các gói hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động để phục hồi sản xuất. Tuy nhiên, thực tế cho thấy dư địa chính sách còn hạn chế, nợ công và áp lực ngân sách vẫn là vấn đề cần được quản lý chặt chẽ để đảm bảo ổn định dài hạn trong bối cảnh hội nhập sâu.

2.3.3. Cơ cấu nền kinh tế và năng lực nội tại

Mặc dù đã có sự chuyển dịch tích cực, cơ cấu nền kinh tế Việt Nam vẫn bộc lộ nhiều hạn chế. Khu vực công nghiệp và dịch vụ phát triển nhanh nhưng chủ yếu vẫn dựa vào gia công, lắp ráp với giá trị gia tăng thấp. Nông nghiệp tuy giảm tỷ trọng nhưng vẫn đóng vai trò quan trọng đối với sinh kế của một bộ phận lớn dân cư. Ví dụ: nhiều sản phẩm nông sản như cà phê, cao su, gạo chủ yếu xuất khẩu dưới dạng thô hoặc sơ chế, phụ thuộc mạnh vào giá cả thị trường thế giới. Điều này cho thấy công tác quản lý kinh tế chưa thực sự thúc đẩy mạnh mẽ việc nâng cao giá trị gia tăng và phát triển các chuỗi sản xuất nội địa bền vững.

2.3.4. Thu hút và quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

FDI là một điểm sáng trong quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam. Nhiều tập đoàn đa quốc gia đã đầu tư vào Việt Nam trong các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử và công nghệ cao. Ví dụ: các dự án của Samsung, Intel hay LG đã góp phần thúc đẩy xuất khẩu và tạo việc làm cho hàng triệu lao động. Tuy nhiên, thực trạng quản lý FDI cho thấy sự liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước còn hạn chế. Tỷ lệ nội địa hóa thấp khiến doanh nghiệp Việt Nam khó tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Điều này phản ánh thách thức trong quản lý kinh tế, khi chưa tận dụng tối đa tác động lan tỏa của FDI để nâng cao năng lực sản xuất trong nước.

2.3.5. Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam

Trong bối cảnh hội nhập, doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ các doanh nghiệp nước ngoài. Phần lớn doanh nghiệp trong nước có quy mô nhỏ và vừa, hạn chế về vốn, công nghệ và trình độ quản lý. Ví dụ: nhiều doanh nghiệp nông sản gặp khó khăn trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm của thị trường EU, dẫn đến việc bị trả hàng hoặc mất cơ hội xuất khẩu. Điều này cho thấy công tác quản lý kinh tế cần chú trọng hơn đến việc hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, cải tiến công nghệ và tiếp cận thị trường quốc tế.

2.3.6. Phát triển nguồn nhân lực và khoa học công nghệ

Nguồn nhân lực là yếu tố then chốt trong hội nhập kinh tế quốc tế, tuy nhiên thực trạng cho thấy chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam còn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có chứng chỉ còn thấp, thiếu lao động có kỹ năng cao trong các lĩnh vực công nghệ và quản lý. Ví dụ: trong các ngành công nghệ cao, doanh nghiệp thường phải tuyển dụng chuyên gia nước ngoài do thiếu nguồn nhân lực trong nước đáp ứng yêu cầu. Điều này phản ánh hạn chế trong công tác quản lý và đầu tư cho giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ, ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh dài hạn của nền kinh tế.

2.4. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế

2.4.1. Cải thiện thể chế kinh tế minh bạch, hiện đại

Một trong những giải pháp quan trọng nhất để quản lý nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập là cải thiện thể chế kinh tế, bao gồm luật pháp, chính sách và cơ chế quản lý kinh tế. Vì vậy, Việt Nam cần xây dựng một hệ thống pháp luật kinh tế minh bạch, dễ tiếp cận và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế, đồng thời tăng cường hiệu quả thực thi các quy định về thương mại, đầu tư và cạnh tranh. Ví dụ: việc sửa đổi Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư trong những năm gần đây đã giúp đơn giản hóa thủ tục thành lập doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận thị trường quốc tế. Thể chế kinh tế minh bạch không chỉ nâng cao niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài mà còn giúp doanh nghiệp trong nước cạnh tranh công bằng, giảm thiểu rủi ro tham nhũng và chi phí không chính thức.

2.4.2. Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp

Việc nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp là yếu tố then chốt để Việt Nam phát triển bền vững trong môi trường hội nhập quốc tế. Các doanh nghiệp cần đầu tư vào công nghệ, cải tiến sản phẩm và nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế [7, tr. 48]. Ví dụ: Vinamilk là một trong những tập đoàn sữa lớn nhất Việt Nam đã cải tiến quy trình sản xuất, áp dụng công nghệ tiệt trùng hiện đại và đạt các chứng chỉ quốc tế về chất lượng như ISO 22000. Nhờ đó, Vinamilk có thể xuất khẩu sang nhiều thị trường khó tính như Mỹ, EU và Nhật Bản. Giải pháp này không chỉ giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường mà còn nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm Việt Nam trên trường quốc tế.

2.4.3. Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và sản phẩm

Hội nhập quốc tế mang lại cơ hội nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro nếu nền kinh tế quá phụ thuộc vào một số thị trường hay ngành hàng. Vì vậy, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và sản phẩm là rất cần thiết. Ví dụ: Việt Nam không chỉ xuất khẩu các sản phẩm truyền thống như gạo, cà phê hay thủy sản mà còn đẩy mạnh xuất khẩu điện tử, dệt may, các sản phẩm công nghệ cao. Bên cạnh đó, mở rộng thị trường sang các nước trong CPTPP, EVFTA hay RCEP giúp giảm nguy cơ phụ thuộc vào một hoặc hai thị trường chính. Giải pháp này giúp nền kinh tế chống chịu tốt hơn trước các biến động kinh tế toàn cầu, đồng thời tạo động lực cho các doanh nghiệp nghiên cứu, đổi mới sản phẩm.

2.4.4. Phát triển kinh tế xanh và bền vững

Trong bối cảnh hội nhập, các tiêu chuẩn quốc tế về BVMT và phát triển bền vững ngày càng được coi trọng. Việt Nam cần thúc đẩy kinh tế xanh, khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ thân thiện với môi trường và giảm phát thải carbon. Ví dụ: Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đang đầu tư mạnh vào năng lượng tái tạo như điện mặt trời và điện gió, vừa đáp ứng nhu cầu năng lượng nội địa, vừa tạo ra sản phẩm có thể xuất khẩu sang thị trường quốc tế yêu cầu tiêu chuẩn xanh. Phát triển kinh

tế bền vững không chỉ giúp Việt Nam hội nhập vào chuỗi cung ứng toàn cầu mà còn bảo vệ nguồn lực thiên nhiên cho các thế hệ tương lai.

2.4.5. Ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực

Để cạnh tranh hiệu quả trên thị trường quốc tế, Việt Nam cần ứng dụng khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Việc áp dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất, quản lý và logistics giúp giảm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng sức cạnh tranh. Ví dụ: FPT Software đã triển khai các giải pháp chuyển đổi số cho khách hàng quốc tế, từ quản lý dữ liệu đến trí tuệ nhân tạo, giúp doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Đồng thời, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao qua đào tạo nghề, hợp tác quốc tế và các chương trình học bổng giúp doanh nghiệp Việt Nam có đội ngũ lao động đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quản lý hiện đại.

2.4.6. Quản lý dòng vốn và đầu tư FDI hiệu quả

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là nguồn lực quan trọng nhưng nếu quản lý không tốt có thể dẫn đến phụ thuộc và rủi ro kinh tế. Do đó, Việt Nam cần xây dựng chính sách thu hút FDI theo hướng chọn lọc, ưu tiên các dự án công nghệ cao, thân thiện với môi trường và có tác động lan tỏa đến doanh nghiệp trong nước. Ví dụ: Samsung đã đầu tư vào các nhà máy sản xuất điện thoại tại Bắc Ninh, đồng thời chuyển giao công nghệ cho các nhà cung ứng Việt Nam, giúp nâng cao năng lực sản xuất nội địa. Quản lý FDI hiệu quả giúp Việt Nam tận dụng vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ nước ngoài, đồng thời thúc đẩy sự phát triển đồng đều của nền kinh tế.

3. Kết luận

Như vậy, quản lý nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế là một nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa phức tạp, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các chính sách vĩ mô, cơ cấu lại nền kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Bài viết đã chỉ ra hội nhập kinh tế mở ra nhiều cơ hội, bao gồm mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư nước ngoài và chuyển giao công nghệ, đồng thời cũng tạo ra áp lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp trong nước; Quản lý kinh tế cần dựa trên nguyên tắc linh hoạt và toàn diện, bao gồm ổn định kinh tế vĩ mô, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng công nghiệp, dịch vụ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy đổi mới sáng tạo; Các công cụ chính sách như chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa, quản lý thương mại, FDI và phát triển các ngành trọng điểm đóng vai trò quan trọng trong việc điều tiết nền kinh tế, giảm thiểu rủi ro và tối ưu hóa lợi ích từ hội nhập; Thách thức lớn vẫn tồn tại, bao gồm sự cạnh tranh quốc tế khốc liệt, biến động kinh tế toàn cầu và hạn chế trong thể chế quản lý. Để khắc phục, Việt Nam cần tập trung vào cải thiện thể chế kinh tế minh bạch, nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và sản phẩm, đồng thời phát triển kinh tế xanh, bền vững. Việc quản lý nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập không chỉ là yếu tố quyết định tăng trưởng kinh tế ngắn hạn mà còn là yếu tố then chốt để Việt Nam nâng cao vị thế cạnh tranh quốc tế và hướng tới phát triển bền vững trong dài hạn. Chính sách kinh tế cần được hoạch định dựa trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng, linh hoạt, thích ứng với biến động toàn cầu và ưu tiên phát triển công nghệ, nguồn nhân lực và các ngành chiến lược.

Tài liệu tham khảo

[1] Báo Thanh tra (2024). *Hoa Kỳ có khoảng 1.340 dự án đầu tư tại Việt Nam với tổng vốn trên 11,8 tỷ USD*. Nguồn: https://thanhtra.com.vn/kinh-te/dau-tu/hoa-ky-co-khoang-1-340-du-an-dau-tu-tai-viet-nam-voi-tong-von-tren-11-8-ty-usd-231875.html, ngày 21/9/2024.

[2] Lê Quốc Lý (2019). *Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam: Cơ hội, thách thức và triển vọng*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[3] Nguyễn Mạnh Trường (2025). *Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh hội nhập quốc tế*. Nguồn: https://lyluanchinhtri.vn/xay-dung-nen-kinh-te-doc-lap-tu-chu-trong-boi-canh-hoi-nhap-quoc-te-1670.html, ngày 28/9/2016.

[4] Nguyễn Quang Thuấn (2025). *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và tích cực, chủ động hội nhập quốc tế ở Việt Nam*. Nguồn: https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/chinh-tri-xay-dung-dang/-/2018/1092802/mot-so-van-de-ly-luan-va-thuc-tien-xay-dung-nen-kinh-te-doc-lap%2C-tu-chu-va-tich-cuc%2C-chu-dong-hoi-nhap-quoc-te-o-viet-nam.aspx, ngày 8/6/2025.

[5] Nguyễn Thị Tuyết Nhung (2021). *Một vài quan điểm về chính sách quản lý nền kinh tế hội nhập*. Tạp chí Công thương, số 24 tháng 10.

[6] Phạm Ngọc Hòa (2024). *Việt Nam sau gần 30 năm hội nhập kinh tế quốc tế*. Nguồn: https://tapchinganhang.gov.vn/viet-nam-sau-gan-30-nam-hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-393.html, ngày 29/10/2024.

[7] Trần Đình Thiên (2019). *Kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.